

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 58 /2021/HS-PT

Ngày: 27 – 5- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc Th gồm có:

Th phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Th phán: Bà Trần Thị Thiên Hương, ông Vũ Đức H

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc Th công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23 /2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Duy Q đối với Bản án hình sự sơ Th số 45/2020/HS-ST, ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo kháng cáo: **Lê Duy Q**, sinh năm 1989, tại Bình Thuận

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở hiện nay: Không cố định; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Dược sỹ; Trình độ học vấn: 12/12

Con ông Lê Trí Th, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Đào Thị Nh, sinh năm 1968. Vợ: Đào Huỳnh Giang Q, sinh năm 1991; Có 02 con: con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ Th số 91/2020/HSST ngày 28/7/2020, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2020.

Lê Duy Q bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Hàm Tân có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Duy Q : Luật sư Hồ Thị N-Văn phòng Luật sư Hồ N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận có mặt.

* *Bị hại:* Bà Dương Thị Thái H, sinh năm 1974, ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1970; Nơi cư trú : Khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc M : Bà Dương Thị Thái H, sinh năm 1974; Nơi cư trú : Khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án :*

- Bà Đào Huỳnh Giang Q, sinh năm 1991; Nơi cư trú : Số 03 đường H, KV3, phường T, quận B, Thành phố Cần Thơ.

* *Người làm chứng:*

- Bà Lê Huỳnh Trúc V, sinh năm 1996; Nơi cư trú : Khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vắng mặt.

* *Người giám định:*

- Ông Nguyễn Văn Th, Giám định viên tư pháp Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận có mặt.

- Ông Đinh Trung H, Giám định viên tư pháp Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận có mặt.

* *Những người khác:* Ông Nguyễn Đình H, Cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hàm Tân có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/8/2017, Lê Duy Q đem theo 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số hiệu BG 443152, mang tên Lê Duy Q, do UBND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/5/2012 đến nhà bà Dương Thị Thái H hỏi thế chấp để vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng thì được bà H đồng ý cho Q vay với thời hạn 01 tháng, lãi suất 3%/tháng. Bà H lập hợp đồng là “giấy mượn tiền” với nội dung vay mượn như trên, sau đó bà H giao cho Q số tiền 300.000.000 đồng và đưa tờ “giấy mượn tiền” cho Q ký, ghi họ tên vào mục “Người mượn tiền”.

Để đảm bảo khoản tiền cho vay của mình, bà H bảo Q chở vợ đến ký vào tờ “giấy mượn tiền” này nên sang ngày hôm sau, Q chở vợ là Đào Huỳnh Giang Q đến nhà bà H ký tên vào tờ giấy mượn tiền.

Đến khoảng 14 giờ ngày 18/8/2017, Q chở Q đi đến nhà bà H, trên đường đi, Q mượn giấy chứng minh nhân dân của Q phô tô giữ 01 bản. Khi đến nhà bà H, Q đứng ngoài sân còn Q vào trong gặp bà H và nói với bà H “con đưa vợ con xuống ký giấy” và để bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của Q trên bàn thì bà H bảo Q ra gọi Q vào.

Sau đó, bà H đưa tờ “giấy mượn tiền” nêu trên cho Q ký, ghi họ tên vào mục

“Người mượn tiền” thì Q ký, ghi họ tên vào mà không hỏi gì bà H rồi cùng Q đi về. Nhưng Q không biết Q đã thế chấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả vay của bà Dương Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng.

Đến hạn, bà H nhiều lần yêu cầu trả lại số tiền gốc cùng tiền lãi như đã ký kết nhưng Q không trả và bỏ đi khỏi địa phương.

Qua xác minh, bà H được biết thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Q thế chấp cho bà không phải của Q nên làm đơn tố cáo gửi Công an huyện Hàm Tân giải quyết. Quá trình điều tra, Lê Duy Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà H là do người bạn của Q tên Đào Khắc Vinh, sinh năm 1988 trực tiếp làm giả và đưa cho Q.

Theo bản Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09 ngày 16/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận xác định thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BG 443152, mang tên Lê Duy Q, do UBND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/5/2012 mà Lê Duy Q thế chấp cho bà Dương Thị Thái H là giả.

Theo Kết luận giám định số 96/KLGD-PC09 ngày 14/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận xác định: Chữ ký và chữ viết mang tên Lê Duy Q và Đào Huỳnh Giang Q dưới mục “Người mượn tiền” trong tờ “Giấy mượn tiền” nêu trên là của Lê Duy Q và Đào Huỳnh Giang Q.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được làm giả, có số hiệu BG 443152, mang tên Lê Duy Q, do UBND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/5/2012) và 01 tờ Giấy mượn tiền (ghi ngày 17/8/2017, có chữ ký, ghi họ tên Lê Duy Q và Đào Huỳnh Giang Q) đã được đưa vào hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 300.000.000 đồng thì bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết nên không thu giữ được.

Tại Bản án hình sự sơ Th số 45/2020/HS-ST, ngày 28/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã xử:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Duy Q phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt : Bị cáo Lê Duy Q 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Lê Duy Q phải chấp hành là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 288, Điều 580, Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Duy Q và bà Đào Huỳnh Giang Q phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho vợ chồng bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ Th còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và các quy định của Luật Thi hành án dân sự.

- Ngày 04 và 06 tháng 01 năm 2021 bị cáo Lê Duy Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ Th, bị cáo cho rằng:

+ Bị cáo không phạm tội như Tòa án huyện Hàm Tân đã quy kết; Giấy mượn tiền ngày 17/8/2017 là do bà H đưa cho bị cáo ký, khi bị cáo đang bị tạm giam tại Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, vợ bị cáo điện hỏi thì bị cáo nghĩ là khoản nợ trước đây 240.000.000 đồng bà H tính lãi thành 300.000.000 đồng nên bị cáo nói vợ bị cáo ký giấy nợ cho bà H; sau đó Điều tra viên đem vào trại giam Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh đưa cho bị cáo ký, nếu bị cáo không ký thì vợ bị cáo sẽ bị bắt giam, chứ bị cáo không nhận 300 triệu của bà H.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 443152 đứng tên Lê Duy Q do Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/5/2012 bà H chỉ nhận của bị cáo giấy phô tô trong việc giao dịch mua bán đất của ông Nguyễn Văn Toàn với chị bị cáo là Lê Thị Hồng Ánh và bà H; bị cáo không hiểu vì sao Cơ quan Điều tra lại có giấy chính và hướng dẫn bị cáo khai tên người làm giấy giả là Đào Khắc Vinh, chứ bị cáo không biết Đào Khắc Vinh là ai và không hề kinh doanh bất động sản với Vinh...

+ Người bị hại H đã gian dối cơ quan tố tụng, được sự giúp đỡ của Điều tra viên hướng dẫn làm thủ tục vắng mặt, bà H không dám có mặt tại phiên tòa để đối chất; người viết giấy mượn nợ Lê Huỳnh Trúc V cũng không dám có mặt tại phiên tòa để xác định sự thật khách quan...

Nên bị cáo đề nghị hủy án sơ Th, trả hồ sơ để điều tra lại đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Ngày 14/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân nhận đơn kháng cáo của bà Đào Huỳnh Giang Q đề ngày 08/01/2021. Ngày 18/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân có Thông báo số 01/TBTA yêu cầu bà Đào Huỳnh Giang Q nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc Th và bà Q đã nhận được Thông báo này của Tòa án. Nhưng sau đó bà Q không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nên ngày 03/02/2021 Tòa án huyện Hàm Tân trả lại đơn kháng cáo cho bà Q.

- Ngày 06/4/2021, Bưu điện nhận đơn kháng cáo đề ngày 12/01/2021 của bà Đào Huỳnh Giang Q.

- Ngày 01/4/2021 bà Đào Thị Nhung làm đơn KH nại cho rằng Điều tra viên có mời bà làm việc 02 lần, bà không ký Biên bản lấy lời khai, nhưng trong hồ sơ vụ án vẫn có chữ ký của bà...; Vì vậy, bà đề nghị Tòa án tỉnh Bình Thuận hủy án sơ Th trả hồ sơ để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc Th:

- Bị cáo Lê Duy Q vẫn giữ nguyên nội dung như đơn kháng cáo và cho rằng giấy mượn tiền của bà H là do chị của bị cáo nhờ bị cáo ký trước cửa nhà bà H, mục đích nhằm để bà H cho chị bị cáo vay tiền, bị cáo không nhớ ngày tháng, nhưng vào năm 2017 khi đó chỉ có bị cáo và chị bị cáo, khi bị cáo ký thì vợ bị cáo chưa ký, do vậy nên bị cáo ký ở phía bên trái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ Th số 45/2020/HS-ST, ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bản án hình sự sơ Th số 45/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện huyện Hàm Tân trả hồ sơ để Cơ quan Điều tra Công an huyện điều tra lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Trong vụ án này ngoài bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Huỳnh Giang Q, thì bà Lê Huỳnh Trúc V chỉ là người bán hàng cho bà H và viết *Giấy mượn tiền* giúp bà H, chỉ là người biết sự việc, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án. Nhưng tòa án cấp sơ Th xác định bà Lê Huỳnh Trúc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là không đúng, nên hội đồng xét xử sửa phần này như phần đầu bản án phúc Th đã xác định.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Tân có làm việc với bà Đào Thị Nhung mẹ của bị cáo Q vào các ngày 12/12/2018, ngày 11/5/2020 để xác minh một số vấn đề liên quan đến bị cáo Q. Các biên bản làm việc này không phải là căn cứ để buộc tội bị cáo;

Cuối Biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2018 phần người khai ghi “*sự việc này chị không rõ*” ký tên và ghi Đào Thị Nhung; tương tự tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2020 cuối biên bản phần người khai” ký tên và ghi tên Đào Thị Nhung. Sau đó chưa lần nào bà Đào Thị Nhung KH nại trong tố tụng hình sự đối với Điều tra viên đã làm việc với bà; nên việc bà Nhung cho rằng các Điều tra viên làm sai lệch hồ sơ vụ án là không có căn cứ.

[2] Đối với đơn kháng cáo của bà Đào Huỳnh Giang Q:

- Ngày 14/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân nhận đơn kháng cáo đề ngày 08/01/2021 của bà Đào Huỳnh Giang Q. Ngày 18/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân có Thông báo số 01/TBTA yêu cầu bà Đào Huỳnh Giang Q nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc Th, bà Q đã nhận được Thông báo này của Tòa án. Nhưng sau đó bà Q không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nên ngày

03/02/2021 Tòa án huyện Hàm Tân trả lại đơn kháng cáo cho bà Q. Sau đó bà Q không KH nại việc trả lại đơn kháng cáo của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân. Như vậy, bà Đào Huỳnh Giang Q đã từ bỏ việc kháng cáo.

- Ngày 06/4/2021, Bru điện nhận đơn kháng cáo đề ngày 12/01/2021 của bà Đào Huỳnh Giang Q. Tại thời điểm Tòa án tỉnh nhận đơn kháng cáo của bà Q, khi đó đã hết thời hạn kháng cáo. Nên đơn kháng cáo quá hạn đề ngày 12/01/2021 của bà Q không được chấp nhận.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Duy Q, hội đồng xét xử phúc Th xét thấy:

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Tại bản tự khai ngày 21/4/2020 (lần 1), bị cáo Lê Duy Q khai: *Khoảng năm 2017 vì cần tiền làm ăn, hùn vốn mua đất nên bị cáo có mượn của bà H (chủ tiệm vàng Hoàng Yén). Việc mượn tiền chia làm 2 lần, lần thứ hai cách lần đầu khoảng 1 tháng cũng trong năm 2017 bị cáo trực tiếp đến gặp bà H mượn thêm khoảng từ ba trăm triệu đến bốn trăm triệu, tại lần này bị cáo thế chấp cho bà H 01 sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do bị cáo đứng tên, thửa đất ở căn cứ 4 (xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai). Bà H làm giấy cho mượn tiền rồi bị cáo ký tên và nhận đủ tiền.*

- Tại bản tự khai ngày 21/4/2020 (lần 2), bị cáo Lê Duy Q khai: *Năm 2017, bị cáo trực tiếp đến gặp bà H tại tiệm vàng Hoàng Yén thuộc khu phố 2, TT. Tân Minh thế chấp cho bà H 01 Giấy CNQSDĐ do bị cáo đứng tên (thửa đất ở xã Xuân Hòa, Xuân Lộc, Đồng Nai) vay số tiền 300 triệu đồng, bà H làm giấy mượn tiền rồi bị cáo ký tên và nhận đủ tiền, lúc vay mượn chỉ có bị cáo với bà H. Nguồn gốc Giấy CNQSDĐ mà bị cáo thế chấp cho bà H để vay tiền là do bị cáo đưa bản photo Giấy CNQSDĐ của thửa đất cùng căn nhà đang thuê ở xã Xuân Hòa và bản photo giấy CMND của bị cáo cho người bạn của bị cáo làm giả, sau đó đưa cho bị cáo để thế chấp vay tiền.*

- Tại bản tự khai ngày 28/5/2020, bị cáo khai: *Trong việc dùng sổ đỏ giả để vay tiền của bà H vào ngày 17/8/2017 thì Q có vai trò là người ký tên vào giấy mượn tiền giúp bị cáo, Q không biết việc bị cáo thế chấp sổ đỏ giả vay tiền của bà H, việc bị cáo vay tiền là đúng ngày ghi trong giấy mượn tiền, còn Q chỉ ký tên thêm vào giấy mượn tiền này vào ngày hôm sau.*

- Tại bản tự khai ngày 24/8/2020, bị cáo khai: *Vào khoảng năm 2017 bị cáo có vay của bà Dương Thị Thái H số tiền khoảng 300.000.000 đồng để hùn vốn với Đào Khắc Vinh trong việc kinh doanh bất động sản. Trong lúc mượn tiền của bà H bị cáo có thế chấp 01 quyển sổ đỏ.*

Các bản tự khai này do bị cáo viết, bị cáo có cam đoan những lời khai này là đúng, không bị ai ép buộc.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/5/2020 của Công an huyện Hàm Tân đối với Lê Duy Q có sự chứng kiến của Đỗ Hoàng B (là phạm nhân tự giác ở Nhà tạm giữ,

Công an quận Tân Phú) bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình như các bản tự khai và Biên bản lấy lời khai trước đây; bị cáo còn khai: *Không có việc giấy tờ được lập không do bị cáo tH nợ từ trước*. Cuối biên bản bị cáo còn ghi: *“Tôi đã đọc lại toàn bộ nội dung biên bản và công nhận đúng lời khai của tôi”*.

- Tại Biên bản hỏi cung ngày 15/10/2020 của Kiểm sát viên Nguyễn Xuân Cường, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và bị cáo khẳng định lời khai của mình là đúng sự thật, không bị ai ép buộc, dụ dỗ, bức cung hay bị dùng nhục hình gì để phải khai báo không đúng sự thật và trong những lần lấy lời khai này thì sức khỏe bị cáo đều bình thường, tỉnh táo.

[4] Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bà Đào Huỳnh Giang Q, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Xét việc bị cáo kháng cáo cho rằng: *Giấy mượn tiền ngày 17/8/2017 là do bà H đưa cho bị cáo ký, khi bị cáo đang bị tạm giam tại Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, vợ bị cáo điện hỏi thì bị cáo nghĩ là khoản nợ trước đây 240.000.000 đồng bà H tính lãi thành 300.000.000 đồng, nên bị cáo nói vợ bị cáo ký giấy nợ cho bà H; sau đó Điều tra viên đem vào trại giam Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh đưa cho bị cáo ký, nếu bị cáo không ký thì vợ bị cáo sẽ bị bắt giam, chứ bị cáo không nhận 300 triệu của bà H*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy mượn tiền được bị cáo và Đào Huỳnh Giang Q ký ngày 17/8/2017; đến ngày 08 tháng 4 năm 2020 bị cáo mới bị Công an quận Tân Phú TP. Hồ Chí Minh bắt về hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hàm Tân mới tiến hành lấy lời khai của bị cáo tại Công an quận Tân Phú TP. Hồ Chí Minh. Nhưng trước đó, vào ngày 09/01/2019 bà H đã nộp Giấy mượn tiền ngày 17/8/2017 có chữ ký của bị cáo và bà Đào Huỳnh Giang Q.

Do đó, lời khai nại trên của bị cáo là không có căn cứ.

Hơn nữa, lời khai này của bị cáo mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc Th về giấy mượn tiền mà bị cáo ký vay tiền của người bị hại;

Khi được hỏi về sự mâu thuẫn này thì bị cáo cho rằng: *Bị cáo ký 02 giấy mượn tiền cho bà H: 01 giấy là do chị bị cáo nhờ ký như đã nêu ở trên; 01 giấy là do Cán bộ Công an huyện Hàm Tân đem vào nhà tạm giữ Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh khi bị cáo đang bị tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản; vì sợ bị cáo đi tù nên bị cáo đã ký*.

Khi được Hội đồng xét xử cho xem Giấy mượn tiền được bị cáo và Đào Huỳnh Giang Q ký ngày 17/8/2017 do bị hại giao nộp cho Công an huyện Hàm Tân, thì bị cáo xác định: *Giấy mượn tiền này là do bị cáo ký dùm chị bị cáo;*

Khi được Hội đồng xét xử hỏi Giấy mượn tiền mà bị cáo khai ký tại Công an quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh là giấy mượn tiền nào thì bị cáo không có gì chứng minh.

[6] Còn việc Luật sư của bị cáo cho rằng: Căn cứ vào Giấy biên nhận ngày 27/11/2018 giữa ông Nguyễn Đình H, cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hàm Tân với ông Đặng Công Thường thì ngoài việc nộp Đơn tố cáo, bà H còn nộp “bản photo CMND mang tên Dương Thị Thái H, sổ hộ khẩu chủ hộ Phạm Ngọc M và 01 Giấy mượn tiền ngày 17/8/2017, cùng 01 sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số BG 443152”. Ngoài ra không có lần nào bà H nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 443152. Như vậy, căn cứ vào Giấy biên nhận ngày 27/11/2018, thì bà H chỉ cung cấp bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 443152 cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Hàm Tân, vậy bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 443152 có trong hồ sơ vụ án do ai bỏ vào, vấn đề này chưa được làm rõ.

Để làm rõ vấn đề này, tại phiên tòa phúc Th sau khi được Hội đồng xét xử cho xem các tài liệu kèm theo đơn tố cáo của bà H, thì ông Nguyễn Đình H, cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hàm Tân xác định:

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 443152, ngày 14/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp đứng tên Lê Duy Q, sinh 1989, CMND số 261171216, địa chỉ thường trú thôn 1, Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận(BL: 32) cùng các tài liệu khác là Chứng minh nhân dân mang tên bà H, sổ hộ khẩu... có trong hồ sơ vụ án là tài liệu ông đã nhận của ông Đặng Công Thường nộp dùm/hộ bà H. Nhưng do sơ suất nên trong giấy biên nhận ông ghi bản pho tô là không chính xác.

Xét thấy lời trình bày trên của ông H phù hợp với phần cuối Đơn tố cáo đề ngày 26/11/2018 của bà Dương Thị Thái H thể hiện: Tài liệu kèm theo đơn là bản photo CMND, sổ hộ khẩu, bản chính GCNQSD đất...

[7] Ngoài xác định việc giao nhận tài liệu như đã nêu ở trên của ông Nguyễn Đình H; thì trong quá trình điều tra vụ án, tại Biên bản hỏi cung ngày 15/10/2020 của Kiểm sát viên Nguyễn Xuân Cường, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân; sau khi được Kiểm sát viên cho xem bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 443152, ngày 14/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, bị cáo xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo được xem đúng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo đã thế chấp cho bà H.

[8] Như vậy, đủ cơ sở để xác định: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 443152, ngày 14/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp đứng tên Lê Duy Q, sinh 1989, CMND số 261171216, địa chỉ thường trú thôn 1, Tân Phúc, Hàm Tân, Bình Thuận đã được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận xác định là giả có trong hồ sơ vụ án, là do bị hại giao nộp cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Hàm Tân ngày 27 tháng 11 năm 2018 (BL: 83).

[9] Tòa án cấp sơ Th kết luận bị cáo phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Nên, việc bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội là không có căn cứ.

[11] Tuy nhiên, qua vụ án này Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hàm Tân cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ, nhất là những chứng cứ có tính quyết định để xác định sự thật khách quan của vụ án. Phải ghi cụ thể từng loại tài liệu là bản chính hay bản sao y có công chứng hay chỉ là bản photo; không thể ghi chung chung gây hiểu lầm hoặc hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau trong việc giao nộp chứng cứ, làm cho vụ án từ đơn giản thành phức tạp, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[12] Về phần dân sự:

Xét thấy, khi bà Q ký vào giấy mượn tiền cho bà H, bà Q là người đủ năng lực hành vi dân sự, bà Q phải biết được hậu quả pháp lý là phải cùng với Lê Duy Q trả khoản nợ này cho bà H.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ Th buộc bà Q cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng cho vợ chồng bị hại là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nên, lời bào của Luật sư về nội dung này không được chấp nhận.

[13] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc Th và dân sự phúc Th theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án hình sự sơ Th số 45/2020/HS-ST, ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Tuyên xử:

1. Về hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Duy Q phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy Q 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 04 (bốn) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Lê Duy Q phải chấp hành là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2020.

2. Về dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Buộc bị cáo Lê Duy Q và bà Đào Huỳnh Giang Q phải có trách nhiệm liên

đổi trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cho vợ chồng bà Dương Thị Thái H, ông Phạm Ngọc M.

3. Về án phí: Áp dụng điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1, điểm b, e khoản 2 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ Th
- Buộc bị cáo Lê Duy Q và bà Đào Huỳnh Giang Q phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ Th
- Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc Th và 300.000 đồng án phí dân sự phúc Th.

Án xử phúc Th có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 27.5.2021

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án); kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (02), VKS, CA huyện Hàm Tân;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP – Tòa án tỉnh;
- Lưu: THS, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC TH
TH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Cường